

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/CT-BKHCN

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2026

CHỈ THỊ**Về định hướng phát triển ngành Khoa học và Công nghệ năm 2026**

Năm 2026 là năm khởi đầu một giai đoạn phát triển mới, năm đầu tiên triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030; tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đây là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đòi hỏi toàn ngành Khoa học và Công nghệ phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, phương thức lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ; phát huy vai trò tiên phong, dẫn dắt trong phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Đồng thời, tiếp tục rà soát, hoàn thiện thể chế pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; hoàn thiện khung pháp lý vượt trội cho kinh tế dữ liệu, kinh tế số, kinh tế tầm thấp và các cơ chế thử nghiệm có kiểm soát. Đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh; nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp. Tập trung thúc đẩy các giải pháp hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân và kinh tế nhà nước phát triển bền vững, thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, tập trung thu hút và làm chủ công nghệ cao, tiên tiến để nâng cao năng lực cạnh tranh, kinh doanh hiệu quả, bền vững.

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ yêu cầu toàn Ngành tập trung quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy cao độ tinh thần trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo; quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả theo chủ đề điều hành của Chính phủ **“Kỷ cương trách nhiệm; chủ động hiệu quả; đổi mới sáng tạo; tăng tốc đột phá; tăng trưởng bền vững”** với các nội dung trọng tâm sau đây:

1. Ngay từ những ngày đầu, tháng đầu năm 2026, tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc ngành Khoa học và Công nghệ tổ chức quán triệt và ban hành Chương trình, Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026; phần đầu hoàn thành sớm các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm theo kế hoạch công tác năm 2026 đã được phê duyệt.

Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI) trong điều hành, quản lý, tham mưu, coi đây là yêu cầu bắt buộc trong đổi mới phương thức làm việc của từng đơn vị và từng cán bộ. Tiếp tục phát huy mạnh mẽ truyền thống tốt đẹp của Ngành, cụ thể hóa các giá trị cốt lõi **“Tiên phong - Sáng tạo - Đột phá - Tận tụy - Trung dũng - Nghĩa tình”** và phương châm hành động **“Làm gương - Kỷ cương - Trọng tâm - Bứt phá”**.

2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2026

2.1. Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ

Khoa học và Công nghệ phải đóng góp trực tiếp, thiết thực vào nâng cao đời sống người dân và hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Tư duy quản lý nhà nước phải đổi mới căn bản: chuyển từ cơ chế “hỗ trợ đầu vào” sang quản lý theo “kết quả đầu ra”, trong đó Nhà nước đóng vai trò dẫn dắt thị trường thông qua cơ chế đặt hàng sản phẩm cuối cùng. Tập trung xây dựng hệ sinh thái thống nhất “giáo dục - khoa học - nhân tài” với cơ chế đãi ngộ vượt trội nhằm thu hút tổng công trình sư và nhà khoa học đầu ngành; đẩy mạnh mô hình liên kết 3 nhà “Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp”. Cơ chế tài chính chuyển dần sang phương thức “đặt hàng và mua kết quả” để tối ưu hóa hiệu quả đầu tư. Đồng thời, cần thúc đẩy nghiên cứu liên ngành (kết hợp khoa học tự nhiên, kỹ thuật và xã hội nhân văn), chấp nhận rủi ro như một phần tất yếu của sáng tạo và tập trung làm chủ công nghệ chiến lược, công nghệ lõi để tăng cường tính tự chủ của nền kinh tế.

Triển khai quyết liệt, hiệu quả Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Luật Công nghệ cao (sửa đổi), Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chuyển giao công nghệ và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tổ chức triển khai Chương trình nâng cao năng lực cho các tổ chức nghiên cứu và phát triển công lập. Ưu tiên nguồn lực triển khai Chương trình quốc gia phát triển các sản phẩm công nghệ chiến lược gồm: Mô hình ngôn ngữ lớn và trợ lý ảo tiếng Việt, AI camera xử lý tại biên, Robot tự hành, Mạng 5G, Hạ tầng Blockchain và UAV. Đặc biệt, tận dụng làn sóng FDI thế hệ mới để đàm phán chuyển giao công nghệ phục vụ “Chuyển đổi kép” (Xanh và Số), xây dựng các cơ sở nghiên cứu, phát triển công nghệ lõi và thu hút trí thức kiều bào tham gia sâu vào chuỗi giá trị.

2.2. Lĩnh vực Đổi mới sáng tạo

Đổi mới sáng tạo được xác định là sự nghiệp của toàn dân, lấy khoa học và công nghệ làm nền tảng để kích hoạt đồng bộ các chủ thể trong hệ sinh thái. Hoạt động này không chỉ dừng lại ở các mô hình thương mại điện tử bề nổi mà phải đi vào chiều sâu, tập trung giải quyết các bài toán cốt lõi của nền kinh tế bằng khoa học và công nghệ, tạo ra sản phẩm, dịch vụ có hàm lượng chất xám và giá trị gia tăng cao. Trong đó, hệ thống các Trung tâm Đổi mới sáng tạo đóng vai trò hạt nhân, kết nối, cộng hưởng và dẫn dắt hoạt động của từng địa phương, ngành và quốc gia nhằm hình thành một hệ sinh thái thống nhất, hiệu quả. Chuyển dịch trọng tâm từ hỗ trợ “khởi nghiệp” sang hỗ trợ doanh nghiệp “tăng trưởng quy mô”. Nhà nước sẽ thực hiện chính sách “khách hàng đầu tiên” thông qua đặt hàng

Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI) trong điều hành, quản lý, tham mưu, coi đây là yêu cầu bắt buộc trong đổi mới phương thức làm việc của từng đơn vị và từng cán bộ. Tiếp tục phát huy mạnh mẽ truyền thống tốt đẹp của Ngành, cụ thể hóa các giá trị cốt lõi **“Tiên phong - Sáng tạo - Đột phá - Tận tụy - Trung dũng - Nghĩa tình”** và phương châm hành động **“Làm gương - Kỷ cương - Trọng tâm - Bứt phá”**.

2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2026

2.1. Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ

Khoa học và Công nghệ phải đóng góp trực tiếp, thiết thực vào nâng cao đời sống người dân và hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Tư duy quản lý nhà nước phải đổi mới căn bản: chuyển từ cơ chế “hỗ trợ đầu vào” sang quản lý theo “kết quả đầu ra”, trong đó Nhà nước đóng vai trò dẫn dắt thị trường thông qua cơ chế đặt hàng sản phẩm cuối cùng. Tập trung xây dựng hệ sinh thái thống nhất “giáo dục - khoa học - nhân tài” với cơ chế đãi ngộ vượt trội nhằm thu hút tổng công trình sư và nhà khoa học đầu ngành; đẩy mạnh mô hình liên kết 3 nhà “Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp”. Cơ chế tài chính chuyển dần sang phương thức “đặt hàng và mua kết quả” để tối ưu hóa hiệu quả đầu tư. Đồng thời, cần thúc đẩy nghiên cứu liên ngành (kết hợp khoa học tự nhiên, kỹ thuật và xã hội nhân văn), chấp nhận rủi ro như một phần tất yếu của sáng tạo và tập trung làm chủ công nghệ chiến lược, công nghệ lõi để tăng cường tính tự chủ của nền kinh tế.

Triển khai quyết liệt, hiệu quả Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Luật Công nghệ cao (sửa đổi), Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chuyển giao công nghệ và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tổ chức triển khai Chương trình nâng cao năng lực cho các tổ chức nghiên cứu và phát triển công lập. Ưu tiên nguồn lực triển khai Chương trình quốc gia phát triển các sản phẩm công nghệ chiến lược gồm: Mô hình ngôn ngữ lớn và trợ lý ảo tiếng Việt, AI camera xử lý tại biên, Robot tự hành, Mạng 5G, Hạ tầng Blockchain và UAV. Đặc biệt, tận dụng làn sóng FDI thế hệ mới để đàm phán chuyển giao công nghệ phục vụ “Chuyển đổi kép” (Xanh và Số), xây dựng các cơ sở nghiên cứu, phát triển công nghệ lõi và thu hút trí thức kiều bào tham gia sâu vào chuỗi giá trị.

2.2. Lĩnh vực Đổi mới sáng tạo

Đổi mới sáng tạo được xác định là sự nghiệp của toàn dân, lấy khoa học và công nghệ làm nền tảng để kích hoạt đồng bộ các chủ thể trong hệ sinh thái. Hoạt động này không chỉ dừng lại ở các mô hình thương mại điện tử bề nổi mà phải đi vào chiều sâu, tập trung giải quyết các bài toán cốt lõi của nền kinh tế bằng khoa học và công nghệ, tạo ra sản phẩm, dịch vụ có hàm lượng chất xám và giá trị gia tăng cao. Trong đó, hệ thống các Trung tâm Đổi mới sáng tạo đóng vai trò hạt nhân, kết nối, cộng hưởng và dẫn dắt hoạt động của từng địa phương, ngành và quốc gia nhằm hình thành một hệ sinh thái thống nhất, hiệu quả. Chuyển dịch trọng tâm từ hỗ trợ “khởi nghiệp” sang hỗ trợ doanh nghiệp “tăng trưởng quy mô”. Nhà nước sẽ thực hiện chính sách “khách hàng đầu tiên” thông qua đặt hàng

và mua sắm công đối với các sản phẩm công nghệ chiến lược; đồng thời chia sẻ chi phí hạ tầng kỹ thuật dùng chung để thúc đẩy thương mại hóa.

Tập trung tháo gỡ điểm nghẽn về thể chế thông qua việc triển khai hiệu quả Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chuyên gia công nghệ và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thúc đẩy triển khai thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia và quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương. Triển khai xây dựng các chương trình đổi mới sáng tạo cấp quốc gia; đẩy mạnh thương mại hóa các kết quả nghiên cứu. Áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox), hoàn thiện mạng lưới Trung tâm Đổi mới sáng tạo các cấp và triển khai Bộ chỉ số Đổi mới sáng tạo địa phương (PII). Việt Nam trong nhóm 04 quốc gia dẫn đầu Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) về chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) và tăng ít nhất 01 bậc theo đánh giá của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO). Đặc biệt, cần đẩy nhanh cơ chế hình thành doanh nghiệp khởi nguồn (spin-off) từ các viện, trường với nguyên tắc phân chia lợi ích rõ ràng và áp dụng quy định miễn trừ trách nhiệm trước rủi ro khách quan nhằm khuyến khích tinh thần “dám thử”, “dám làm”.

2.3. Lĩnh vực Bưu chính, Viễn thông

Bưu chính, Viễn thông được xác định là hai trụ cột nền tảng bảo đảm dòng chảy dữ liệu và vật chất của nền kinh tế. Để đáp ứng yêu cầu phát triển mới, công tác quản lý nhà nước cần chuyển mạnh từ tư duy “quản lý” sang “kiến tạo phát triển”, thúc đẩy lĩnh vực này thực hiện cuộc chuyển dịch căn bản: Viễn thông chuyển từ hạ tầng kết nối đơn thuần sang hạ tầng số (hạ tầng sản xuất, tri thức) với đặc tính băng thông siêu rộng, xanh, an toàn và thông minh; Bưu chính chuyển thành hạ tầng vật lý cốt lõi cho thương mại điện tử và dịch vụ công, tiếp tục mở rộng hệ sinh thái số. Đặc biệt, hình thành không gian bưu chính 3D - kết hợp mạng lưới mặt đất và không gian tầm thấp (sử dụng drone, robot) để tối ưu hóa vận chuyển cho nền kinh tế số.

Hoàn thiện hành lang pháp lý, xây dựng Luật Bưu chính (sửa đổi) và các quy định về Viễn thông - Tần số. Tập trung đẩy mạnh thương mại hóa 5G phục vụ các ngành công nghiệp trọng điểm, tổ chức đấu giá băng tần 900 MHz, xử lý nhiễu vô tuyến điện và thúc đẩy nghiên cứu về 6G. Phát triển hạ tầng số hiện đại và “Bản sao số quốc gia” ngang tầm các nước tiên tiến. Đối với hạ tầng bưu chính, đảm bảo 100% xã có điểm phục vụ bưu chính có kết nối Internet. Về an sinh xã hội số, triển khai ngay chương trình viễn thông công ích giai đoạn mới, thực hiện chính sách hỗ trợ điện thoại thông minh cho hộ nghèo, cận nghèo để phổ cập tiếp cận số, đồng thời thúc đẩy định danh số cá nhân qua tên miền quốc gia “.vn”.

2.4. Lĩnh vực Chuyển đổi số quốc gia

Chuyển đổi số là cuộc cách mạng toàn dân và toàn diện, thay đổi căn bản phương thức sản xuất và quản trị. Trong đó, công nghệ số là công cụ, còn sự thay đổi phương thức vận hành gắn liền với trách nhiệm của người đứng đầu là yếu tố quyết định. Dữ liệu được xác định là tài nguyên mới của kỷ nguyên số với đặc tính càng chia sẻ và khai thác thì càng tạo ra giá trị lớn. Do đó, Chính phủ số phải

đóng vai trò dẫn dắt, kiến tạo thị trường cho doanh nghiệp công nghệ, thúc đẩy kinh tế số thâm thấu vào mọi ngành nghề và trở thành động lực tăng trưởng chính.

Tập trung xây dựng văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chuyển đổi số và Luật Trí tuệ nhân tạo, đồng thời cập nhật Khung kiến trúc số quốc gia và Bộ chỉ số đo lường hiệu quả chuyển đổi số. Xác định vị thế mới là “Kiến trúc sư trưởng” của công cuộc chuyển đổi số quốc gia, chuyển dịch vai trò từ trực tiếp “triển khai kỹ thuật” sang “điều phối và kết nối” giữa các bộ, ngành, địa phương. Mục tiêu là xây dựng Chính phủ số toàn diện, hoạt động dựa trên dữ liệu và một xã hội số văn minh, an toàn, nơi mỗi công dân đều có danh tính số. Đồng thời, đẩy mạnh phát triển các nền tảng số quốc gia, hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số. Đặc biệt, chú trọng phổ cập kỹ năng số cho người dân và ứng dụng Trợ lý ảo để hỗ trợ cán bộ, công chức nâng cao năng suất lao động.

2.5. Lĩnh vực Công nghiệp công nghệ số

Để hiện đại hóa đất nước và đảm bảo tăng trưởng bền vững, Việt Nam không thể tiếp tục dựa vào gia công, lắp ráp mà phải chuyển dịch căn bản sang mô hình “Make in Vietnam to Lead: Sáng tạo tại Việt Nam, làm ra tại Việt Nam - Để dẫn dắt”. Chuyển đổi tư duy hỗ trợ từ diện rộng sang tập trung vào các sản phẩm cụ thể đã có thị trường; đồng thời chuyển từ xúc tiến thương mại đơn thuần sang chủ động “tạo cầu” thông qua các đơn đặt hàng trong nước. Trong đó, công nghiệp công nghệ số với hai trụ cột là công nghiệp bán dẫn và Trí tuệ nhân tạo đóng vai trò động lực then chốt. Trí tuệ nhân tạo cần được xác định là công nghệ nền tảng, là “điện năng mới” để phổ cập và nâng cao năng suất lao động cũng như năng lực cạnh tranh quốc gia.

Thực thi hiệu quả Luật Công nghiệp công nghệ số và Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn. Ưu tiên thu hút đầu tư vào các khâu có giá trị gia tăng cao trong chuỗi cung ứng như thiết kế vi mạch, đóng gói và kiểm thử tiên tiến. Bên cạnh đó, triển khai các đề án quy mô lớn hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số vươn ra thị trường quốc tế. Về các chỉ tiêu tăng trưởng, Ngành phần đầu đạt tổng doanh thu ước đạt 224 tỷ USD (tăng 13%); kim ngạch xuất khẩu phần cứng, điện tử đạt 199 tỷ USD (tăng 12%); và phát triển lực lượng doanh nghiệp công nghệ số lên trên 88 nghìn doanh nghiệp.

2.6. Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Xác định Tiêu chuẩn để dẫn dắt phát triển; Quy chuẩn là hàng rào bảo vệ quốc gia; Chất lượng phải đảm bảo sự nghiêm minh. Tiêu chuẩn phải đi trước một bước, phải hiện đại hóa hệ thống tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) và quan tâm đến hiệu quả sử dụng các tiêu chuẩn quốc gia đã được công bố; tiêu chuẩn phải dẫn dắt sản xuất, đo lường phải kiểm soát chất lượng, tạo niềm tin cho người tiêu dùng. Chuyển dịch từ quản lý phương tiện đo sang quản lý kết quả đo và xây dựng Hạ tầng độ tin cậy quốc gia. Mở rộng phạm vi hoạt động đo lường sang các lĩnh vực mới như Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), Năng lượng mới, Kinh tế xanh, Tín chỉ carbon...; Gắn kết hoạt động đo lường với hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, năng suất và chất lượng.

Chuyển đổi tư duy quản lý từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” và quản lý dựa trên rủi ro, dữ liệu số, nền tảng số; từ “kiểm tra phòng ngừa” sang “dẫn dắt thị trường”. Nhiệm vụ trọng tâm là trình Quốc hội sửa đổi Luật Đo lường và hoàn thiện hành lang pháp lý; thực hiện chuyển đổi số toàn diện. Phấn đấu công bố ít nhất 1.000 tiêu chuẩn quốc gia mới tập trung vào các ngành chiến lược (chip bán dẫn, Trí tuệ nhân tạo, robot, UAV...) với tỷ lệ hài hòa quốc tế đạt 70-80%. Đồng thời, đẩy mạnh áp dụng mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc qua nhãn điện tử và hộ chiếu số sản phẩm, hỗ trợ 5.500 doanh nghiệp định danh sản phẩm và đảm bảo vai trò quốc tế tại Tiểu ban Tiêu chuẩn và Hợp chuẩn thuộc Ủy ban Thương mại và Đầu tư của Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC).

2.7. Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ

Trong nền kinh tế tri thức, tài sản trí tuệ là nguồn lực cốt lõi, chiếm tới 70% - 80% tổng giá trị tài sản quốc gia, giữ vai trò nền tảng cho sự thịnh vượng bền vững so với các tài sản vật lý truyền thống. Do đó, hoạt động sở hữu trí tuệ phải gắn chặt với đổi mới sáng tạo; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ chính là bảo vệ động lực sáng tạo, tạo điều kiện tiên quyết để các sáng chế nhanh chóng được thương mại hóa và gia tăng giá trị hàng hóa trên thị trường. Nhà nước sẽ huy động nguồn lực để ưu tiên bảo hộ, hỗ trợ các nhóm công nghệ chiến lược gắn với tự chủ công nghệ và an ninh kinh tế; đồng thời đẩy mạnh đào tạo, nâng cao năng lực cho doanh nghiệp, viện, trường và startup nhằm tối ưu hóa quy trình xử lý và khai thác tài sản trí tuệ.

Triển khai quyết liệt, hiệu quả Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thực hiện chuyển đổi số toàn diện và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo vào quy trình thẩm định, qua đó rút ngắn thời gian xác lập quyền để doanh nghiệp sớm khai thác thương mại; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trên không gian mạng và hỗ trợ đăng ký bảo hộ quốc tế cho các sản phẩm chủ lực quốc gia.

2.8. Lĩnh vực Năng lượng nguyên tử, an toàn và bức xạ hạt nhân

Phát triển năng lượng nguyên tử được xác định là một trong những trụ cột then chốt của lĩnh vực công nghệ cao lưỡng dụng, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, bảo đảm an ninh năng lượng và củng cố tiềm lực quốc phòng - an ninh quốc gia. Với triết lý cốt lõi “An toàn tuyệt đối - Tự chủ công nghệ - Hợp tác quốc tế sâu rộng”, ngành Năng lượng nguyên tử Việt Nam kiên định mục tiêu hiện đại hóa để phục vụ dân sinh và tiến tới mục tiêu phát thải ròng bằng ‘0’ (Net Zero) vào năm 2050. Đồng thời, đẩy mạnh triển khai thực hiện hiệu quả các Chiến lược, Quy hoạch và Đề án trọng điểm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đặc biệt là các nhiệm vụ về nghiên cứu, ứng dụng năng lượng nguyên tử trong y tế, nông nghiệp, công nghiệp và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho sự phát triển của điện hạt nhân thế hệ mới.

Ưu tiên cao nhất là luật hóa các tiêu chuẩn của Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA) và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phát triển hạ tầng điện hạt nhân quốc gia. Tập trung nguồn lực nghiên cứu, làm chủ công nghệ Lò phản ứng mô-đun nhỏ (SMR) phục vụ mục tiêu phát thải ròng bằng ‘0’

và an ninh năng lượng. Chuyển dịch mô hình quản lý từ quy mô cơ sở bức xạ đơn lẻ sang quản trị hệ thống nhà máy điện hạt nhân, đảm bảo an toàn tuyệt đối xuyên suốt vòng đời dự án. Ngành sẽ thực hiện thẩm định nghiêm ngặt về an toàn cho Dự án Trung tâm Khoa học Công nghệ hạt nhân và Dự án Điện hạt nhân Ninh Thuận; đồng thời xây dựng cơ chế đãi ngộ đặc thù để thu hút chuyên gia đầu ngành.

2.9. Các công tác khác

a) Công tác Phát triển nhân lực số và đào tạo, thu hút nhân tài khoa học công nghệ

Phát triển nhân lực số, nhân lực công nghệ và đào tạo, thu hút nhân tài khoa học công nghệ là yếu tố then chốt để thúc đẩy phát triển Ngành, trong đó nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ, công chức là nhiệm vụ nền tảng để đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đi vào thực chất. Công tác đào tạo nhân lực số, nhân lực công nghệ cao và đào tạo, thu hút nhân tài khoa học công nghệ cần chuyển từ tư duy chứng chỉ sang thực chiến, biến kỹ năng số thành công cụ làm việc hằng ngày, gắn chặt với vị trí việc làm và tiêu chí đánh giá, bổ nhiệm cán bộ.

Cần thực hiện cuộc cách mạng đào tạo dựa trên công nghệ (Đại học số, MOOCs) và triển khai quyết liệt chiến dịch “Reskill”, “Upskill” nhân lực sang lĩnh vực bán dẫn, Trí tuệ nhân tạo/thiết kế chip... Về thu hút nhân tài, thay đổi tư duy sang “giao sứ mệnh lớn” kết hợp cơ chế đặc biệt để quy tụ tinh hoa và trí thức kiều bào. Đến năm 2030, Việt Nam phấn đấu trở thành trung tâm cung cấp nhân lực công nghệ cao toàn cầu, sở hữu 50.000 kỹ sư thiết kế chip và hình thành đội ngũ các nhà khoa học đỉnh cao dẫn dắt các hướng nghiên cứu mới.

b) Công tác xây dựng chính sách, văn bản quy phạm pháp luật

Thể chế là nền tảng cho sự phát triển. Tư duy lập pháp chuyển mạnh từ “quản lý chặt” sang “quản lý rủi ro” và “kiến tạo không gian cho cái mới”, coi thể chế là động lực giải phóng nguồn lực.

Nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 là hoàn thành 100% các văn bản hướng dẫn thi hành các luật mới, tháo gỡ điểm nghẽn để thu hút các tập đoàn công nghệ lớn và thúc đẩy chuyển giao công nghệ nguồn (Trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, công nghệ sinh học). Định hướng chiến lược là xây dựng hệ thống pháp luật khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đồng bộ, hiện đại, tương thích quốc tế, trong đó thể chế phải “đi trước mở đường”, chấp nhận đặc thù rủi ro của khoa học và sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ.

Đồng thời, nghiên cứu, rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản để phục vụ hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Trong đó, chú trọng hoàn thiện thể chế, chính sách nhằm: (i) Thu hút đầu tư từ các tập đoàn công nghệ lớn, tạo cơ hội để doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; nâng cao năng lực sản xuất, nghiên cứu, tiếp thu, chuyển giao công nghệ; (ii) Thúc đẩy hợp tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ với các quốc gia tiên tiến, nhất là trong

các lĩnh vực như Trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, bán dẫn và năng lượng tái tạo.

c) Công tác tổ chức cán bộ và thi đua khen thưởng

Tổ chức triển khai đổi mới căn bản công tác quản lý cán bộ theo hướng chuyển từ quản lý theo ngạch, bậc, hồ sơ sang quản lý theo vị trí việc làm và năng lực; bảo đảm bố trí đúng người, đúng việc, đúng năng lực; gắn quản lý cán bộ với yêu cầu thực tiễn và kết quả công việc. Đổi mới công tác đánh giá cán bộ từ đánh giá định tính, theo năm sang đánh giá theo kết quả công việc, thực hiện đánh giá định kỳ theo quý; từng bước áp dụng các công cụ số, hệ thống đánh giá dựa trên dữ liệu; coi đánh giá là căn cứ để sử dụng, bố trí, quy hoạch và phát triển cán bộ.

Đổi mới công tác quy hoạch, bổ nhiệm theo hướng chuyển từ coi trọng quy trình sang lựa chọn người có khả năng thực hiện nhiệm vụ; ưu tiên lựa chọn cán bộ làm việc được, tạo ra kết quả thực chất, không chỉ đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn hình thức. Đổi mới công tác phát triển đội ngũ cán bộ theo hướng xây dựng đội ngũ chiến lược; phân nhóm cán bộ để có phương thức phát triển phù hợp (nhóm tham mưu, nhóm chuyên môn sâu, nhóm quản lý - điều hành); tăng cường thu hút chuyên gia, sử dụng cán bộ trẻ, cán bộ có năng lực nổi trội.

Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác khen thưởng; đảm bảo đúng người, đúng thành tích, đúng quy định và kịp thời. Công tác thi đua khen thưởng phải đổi mới thực chất, hướng về cơ sở, vinh danh những người lao động trực tiếp, những nhà khoa học có sản phẩm được ứng dụng hiệu quả vào cuộc sống, những doanh nghiệp công nghệ có khát vọng vươn tầm thế giới.

d) Công tác kế hoạch - tài chính

Đổi mới phương thức lập kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm trên cơ sở kế hoạch trung hạn theo chương trình, theo sứ mệnh; ưu tiên nguồn lực cho các chương trình lớn, chuỗi nhiệm vụ có mục tiêu dài hạn (03-05 năm), bám sát chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, góp phần tạo tác động lan tỏa. Đổi mới phương thức phân bổ và sử dụng ngân sách, chuyển dần từ cấp phát theo đề tài sang cơ chế đặt hàng, mua kết quả, thuê dịch vụ; phát huy vai trò của Nhà nước là khách hàng thông minh, người mua thông minh nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

Đổi mới quản lý rủi ro hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ, phát triển giải pháp xã hội, đổi mới sáng tạo, thí điểm chính sách); chấp nhận rủi ro có kiểm soát; đánh giá cả nỗ lực, năng lực và kết quả cuối cùng. Đổi mới cách đánh giá hiệu quả chi ngân sách từ yêu cầu “chi đúng, đủ, kịp thời” sang đánh giá theo năng lực tạo ra và tác động thực tế đối với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

đ) Công tác hợp tác, hội nhập quốc tế

Chuyển đổi căn bản tư duy và phương thức hợp tác quốc tế từ “đối ngoại hành chính” sang “chủ động kiến tạo, định hình hợp tác chiến lược”; tập trung tối

đa nguồn lực để thu hút tri thức, công nghệ tiên tiến của thế giới về Việt Nam, đồng thời thúc đẩy mạnh mẽ các sản phẩm, giải pháp khoa học công nghệ Việt Nam vươn ra thị trường quốc tế. Ưu tiên ký kết các hiệp định chuyển giao công nghệ nguồn trong 11 nhóm công nghệ chiến lược, hình thành các phòng thí nghiệm liên kết quốc tế và mạng lưới chuyên gia kiều bào.

Chuyển trọng tâm hợp tác từ học thuật sang chuyển giao năng lực và công nghệ; thúc đẩy các chương trình kết nối đổi mới sáng tạo và ứng dụng thành tựu quốc tế phù hợp với điều kiện Việt Nam; tạo điều kiện để doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận công nghệ nguồn, làm chủ kỹ thuật cốt lõi và tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Tăng cường tham gia định hình tiêu chuẩn, quy tắc và cơ chế quản trị về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các khuôn khổ đa phương; chuyên mô hình hợp tác từ “trao đổi” sang “cùng hành động”. Mở rộng và nâng cao vai trò của hoạt động hợp tác quốc tế trong kết nối đối tác, chuyên gia, cập nhật xu hướng công nghệ; tăng cường thu hút chuyên gia Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia quốc tế tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ trong nước, thúc đẩy dòng chảy tri thức và công nghệ về Việt Nam.

e) Công tác Nhà trường

Các trường, học viện, cơ sở đào tạo thuộc Bộ phải tiên phong thí điểm tự chủ đại học toàn diện, gắn kết chặt chẽ mô hình “Nhà trường - Viện nghiên cứu - Doanh nghiệp”; đẩy mạnh đào tạo kinh tế số, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của các lĩnh vực viễn thông thế hệ mới, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu, an ninh mạng; tăng cường gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo với doanh nghiệp và thị trường; trở thành các trung tâm nghiên cứu và phát triển mạnh, cái nôi đào tạo nhân tài công nghệ cho đất nước. Tổ chức xây dựng Học viện Công nghệ Bưu Chính Viễn Thông trở thành cơ sở đào tạo hàng đầu về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

f) Công tác Thống kê và đánh giá khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

Tập trung hiện đại hóa hạ tầng, xây dựng Hệ thống thông tin, thống kê, cơ sở dữ liệu về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tích hợp kết nối liên thông với hệ thống thông tin quốc gia về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tích hợp, đảm bảo dữ liệu “Đúng - Đủ - Sạch - Sống” để phục vụ hoạt động chỉ đạo điều hành, ra quyết định dựa trên dữ liệu. Chuẩn hóa các bộ chỉ số đo lường (GII, PII, DTI...) theo chuẩn quốc tế để định vị chính xác vị thế Việt Nam.

Dữ liệu phải được phân tích, trực quan hóa để phục vụ chỉ đạo điều hành, ra quyết định dựa trên dữ liệu; ứng dụng Trí tuệ nhân tạo và Dữ liệu lớn để dự báo xu hướng, đo lường đóng góp của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào tăng trưởng, hình thành văn hóa quản trị dựa trên số liệu trong toàn Ngành. Chú trọng công tác đánh giá hiệu quả hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để làm cơ sở để phân bổ nguồn lực và điều chỉnh

chính sách.

g) Công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp

(i) Về thể chế: Hoàn thiện pháp lý theo hướng “một văn bản sửa nhiều văn bản” để cắt giảm thủ tục hành chính thực chất. Kiểm soát chặt chẽ quy định mới, đẩy mạnh phân cấp, tái cấu trúc quy trình và xóa bỏ rào cản địa giới hành chính; (ii) Về số hóa: Lấy dữ liệu làm cốt lõi, đẩy nhanh số hóa và tái sử dụng dữ liệu để người dân chỉ cung cấp thông tin một lần. Đảm bảo 100% thủ tục hành chính thực hiện trực tuyến toàn trình, thông suốt và ưu tiên phát triển dịch vụ công liên thông; (iii) Về kỷ cương: Chuyển mạnh tư duy sang “kiến tạo, phục vụ”; xử lý nghiêm những nhiễu, chần chừ chi phí không chính thức. Nâng cao trách nhiệm doanh nghiệp trong tuân thủ pháp luật, không trục lợi chính sách và kiên quyết từ chối tiêu cực; (iv) Về môi trường kinh doanh: Quyết liệt bãi bỏ các điều kiện kinh doanh, giấy phép bất hợp lý, chồng chéo. Thu hẹp danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện, chuyển mạnh sang hậu kiểm và minh bạch hóa quy định trên hệ thống quốc gia để giảm tối đa chi phí tuân thủ.

3. Về hoạt động của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong Ngành

- Các đơn vị, doanh nghiệp hoạt động trong Ngành: Ban hành kế hoạch cụ thể để hoàn thành sớm các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2026, song hành với các nhiệm vụ công ích và thực hiện nhiệm vụ chính trị Đảng, Nhà nước giao. Nghiêm túc tuân thủ quy định pháp luật trong lĩnh vực hoạt động, đi đầu thực hiện các quy định của Bộ; triển khai các cam kết hợp tác với các bộ, ban, ngành, địa phương. Tiếp tục đẩy mạnh tái cấu trúc doanh nghiệp, đổi mới mô hình quản trị đi cùng với đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, dịch vụ, giảm chi phí, hạ giá thành để phát triển nhanh, bền vững và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Các Viện nghiên cứu công lập khẩn trương đổi mới toàn diện mô hình quản trị, chuyển đổi mạnh mẽ sang cơ chế tự chủ hoặc hoạt động theo mô hình doanh nghiệp. Việc nghiên cứu khoa học phải gắn liền với nhu cầu thực tiễn, lấy khả năng ứng dụng, chuyển giao và thương mại hóa sản phẩm làm thước đo đánh giá hiệu quả hoạt động; kiên quyết xóa bỏ tình trạng nghiên cứu mang tính hình thức, không có địa chỉ ứng dụng.

- Các doanh nghiệp trong ngành, trọng tâm là các tập đoàn công nghệ, viện thông lớn cần xác định rõ vai trò tiên phong và sứ mệnh quốc gia trong phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tập trung nguồn lực đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, phấn đấu làm chủ công nghệ lõi. Gắn kết chặt chẽ mục tiêu tăng trưởng kinh doanh với khát vọng đóng góp vào sự hưng thịnh và phát triển bền vững của đất nước.

- Các Hội, Hiệp hội nghề nghiệp cần phát huy vai trò cầu nối, phản biện chính sách, tập hợp và đoàn kết đội ngũ trí thức, doanh nhân khoa học công nghệ cùng hướng tới mục tiêu chung.

4. Về công tác quản lý nhà nước tại địa phương

Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải đóng vai trò là “Kiến trúc sư trưởng”, là “Tur lệnh” về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại địa phương. Cần tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương đưa khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Tập trung giải quyết các bài toán đặc thù của địa phương bằng giải pháp công nghệ (như nông nghiệp thông minh, du lịch thông minh, quản lý đô thị, môi trường...). Tránh đầu tư dàn trải, manh mún, cát cứ dữ liệu. Phải tận dụng tối đa các nền tảng số quốc gia dùng chung để tiết kiệm nguồn lực và đảm bảo tính đồng bộ, kết nối các mô hình kinh doanh mới, sandbox, kinh tế tầm thấp.

5. Tổ chức triển khai thực hiện

Trong năm 2026, Bộ Khoa học và Công nghệ phân đầu hoàn thành toàn diện kế hoạch, nhiệm vụ đã đề ra; các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ căn cứ nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết và thực hiện nghiêm túc, đúng tiến độ các nhiệm vụ được giao nhằm phục vụ tốt nhất công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; xây dựng, phát động phong trào thi đua đến cá nhân, tổ chức trực thuộc, phân đầu hoàn thành các nhiệm vụ được giao (*chi tiết nhiệm vụ tại các Phụ lục đính kèm*).

Văn phòng Bộ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và định kỳ hàng quý/6 tháng/năm tổng hợp tình hình thực hiện các nhiệm vụ để báo cáo Bộ trưởng. Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì xây dựng báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP, gửi Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ theo quy định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Công đoàn KH&CN Việt Nam;
- Sở KH&CN các tỉnh/TP trực thuộc Trung ương;
- Các hội, hiệp hội, doanh nghiệp hoạt động trong ngành KH&CN;
- Các cơ quan báo chí;
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Công TTĐT của Bộ;
- Lưu: VT, VP.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hùng



PHỤ LỤC I

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỤ THỂ GIAO BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN
TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 02/NQ-CP NGÀY 08/01/2026 CỦA CHÍNH PHỦ**
(Ban hành kèm theo Chỉ thị số 01 /CT-BKHCN ngày 15/01 /2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

I. Chỉ tiêu của Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

TT	Nội dung chỉ tiêu	Chỉ tiêu năm 2026	Đơn vị tính	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Một số chỉ tiêu về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy tăng trưởng			
1.	Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII)	Trong nhóm 04 quốc gia dẫn đầu của ASEAN	Thứ hạng	Cục Đổi mới sáng tạo
2.	Tỷ lệ công bố quốc tế tăng trung bình	12	%	Cục Thông tin, Thống kê
3.	Số tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới	55	Tổ chức	Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên
II	Một số chỉ tiêu về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng và dịch vụ công			
4.	Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang	84	%	Cục Viễn thông
5.	Tỷ lệ sử dụng địa chỉ thế hệ mới IPv6 trên mạng Internet Việt Nam	72	%	Trung tâm Internet Việt Nam

II. Chỉ tiêu Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026

1. Bộ chỉ số trong nước và quốc tế

TT	Nội dung chỉ tiêu	Chỉ tiêu năm 2026	Đơn vị tính	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Bộ chỉ số xếp hạng quốc tế				
1	Năng lực Đổi mới sáng tạo (GII) của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO)	Tăng ít nhất 01 bậc so với kỳ xếp hạng trước	Bậc	Cục Đổi mới sáng tạo	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
2	Chỉ số Chính phủ điện tử (EGDI) của UN	Tăng ít nhất 02 bậc so với kỳ xếp hạng trước	Bậc	Cục Chuyển đổi số quốc gia	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
II	Bộ chỉ số trong nước				
3	Chỉ số cải cách hành chính (PAR index)	Tối thiểu 84,7	%	Vụ Tổ chức cán bộ	Vụ Pháp chế, Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Trung tâm Công nghệ thông tin và các đơn vị liên quan



2. Chỉ tiêu nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công

TT	Nội dung chỉ tiêu	Chỉ tiêu năm 2026	Đơn vị tính	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1.	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	100	%	Văn phòng Bộ	Trung tâm Công nghệ thông tin và các đơn vị thực hiện thủ tục hành chính

TT	Nội dung chỉ tiêu	Chỉ tiêu năm 2026	Đơn vị tính	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
2.	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	Tối thiểu 80	%	Trung tâm Công nghệ thông tin	Văn phòng Bộ và các đơn vị thực hiện thủ tục hành chính
3.	Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn	100	%	Văn phòng Bộ	Các đơn vị thực hiện thủ tục hành chính
4.	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp	Tối thiểu 90	%	Văn phòng Bộ	Các đơn vị thực hiện thủ tục hành chính

CÔNG
M.



PHỤ LỤC II

**DANH MỤC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP VÀ
NGHỊ QUYẾT SỐ 02/NQ-CP NGÀY 08/01/2026 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Ban hành kèm theo Chỉ thị số 01/CT-BKHCN ngày 15/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cấp trình	Kết quả/sản phẩm
A	Danh mục nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ					
I	Tổ chức thực hiện Nghị quyết					
1.	Ban hành Chương trình, Kế hoạch hành động, các văn bản của bộ, ngành, địa phương để thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026	Văn phòng Bộ	Các đơn vị liên quan	Ngày 20/01/2026	Bộ trưởng	Văn bản
2.	Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và chuẩn bị nội dung xây dựng Nghị quyết của Chính phủ cho năm 2027, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chính phủ	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị liên quan	Trước ngày 15/11/2026	Bộ trưởng	Văn bản
3.	Định kỳ hằng quý, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu tại Nghị quyết gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chính phủ	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị liên quan	Trước ngày 22 tháng cuối quý	Bộ trưởng	Văn bản
II	Nhóm nhiệm vụ về rà soát, hoàn thiện thể chế pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh					
4.	Luật Bưu chính (thay thế)	Vụ Bưu chính	Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan	Tháng 5/2026	Chính phủ	Tờ trình



STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cấp trình	Kết quả/sản phẩm
5.	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đo lường	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam	Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan	Tháng 5/2026	Chính phủ	Tờ trình
6.	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ	Vụ Pháp chế, Viện Sở hữu trí tuệ quốc gia và các đơn vị liên quan	Tháng 02/2026	Chính phủ	Tờ trình
7.	Nghị định quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn biện pháp tổ chức thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15	Vụ Đánh giá và Thẩm định công nghệ	Vụ Pháp chế, Cục Đổi mới sáng tạo	Tháng 02/2026	Chính phủ	Tờ trình
8.	Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trí tuệ nhân tạo	Viện Công nghệ số và Chuyển đổi số quốc gia	Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan	Tháng 02/2026	Chính phủ	Tờ trình
9.	Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Chuyển đổi số	Cục Chuyển đổi số quốc gia	Vụ Kinh tế và Xã hội số, Vụ Pháp chế	Tháng 3/2026	Chính phủ	Tờ trình
10.	Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật công nghệ cao số 133/2025/QH15	Vụ Khoa học kỹ thuật và công nghệ	Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan	Tháng 4/2026	Chính phủ	Tờ trình
11.	Nghị định của Chính phủ về quản lý chất lượng thép	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam	Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan	Tháng 11/2026	Chính phủ	Tờ trình

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cấp trình	Kết quả/sản phẩm
12.	Nghị quyết của Chính phủ về việc về việc gia nhập Công ước Viên về trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại hạt nhân	Cục An toàn bức xạ và hạt nhân	Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan	Tháng 11/2026	Chính phủ	Tờ trình
13.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao ưu tiên đầu tư phát triển, Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, Danh mục công nghệ chiến lược và Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược	Vụ Khoa học kỹ thuật và công nghệ	Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan	Tháng 03/2026	Thủ tướng Chính phủ	Tờ trình
14.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục bộ dữ liệu phục vụ phát triển trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực thiết yếu	Viện Công nghệ số và Chuyển đổi số quốc gia	Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan	Tháng 02/2026	Thủ tướng Chính phủ	Tờ trình
15.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định Danh mục hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao	Viện Công nghệ số và Chuyển đổi số quốc gia	Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan	Tháng 02/2026	Thủ tướng Chính phủ	Tờ trình
16.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam	Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan	Tháng 6/2026	Thủ tướng Chính phủ	Tờ trình
17.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển hệ thống các trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong toàn quốc	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam	Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan	Tháng 6/2026	Thủ tướng Chính phủ	Tờ trình
18.	Quyết định sửa đổi Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên	Vụ Đánh giá và Thẩm định công nghệ	Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan	Tháng 9/2026	Thủ tướng Chính phủ	Tờ trình

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cấp trình	Kết quả/sản phẩm
19.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số đến năm 2035, định hướng đến năm 2045	Cục Chuyển đổi số quốc gia	Các đơn vị có liên quan	Tháng 6/2026	Thủ tướng Chính phủ	Tờ trình
20.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển cơ sở hạ tầng điện hạt nhân	Cục An toàn bức xạ và hạt nhân	Vụ Pháp chế, Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam	Tháng 9/2026	Thủ tướng Chính phủ	Tờ trình
21.	Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 18/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng điện báo Hệ đặc biệt phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước.	Cục Bưu điện Trung ương	Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan	Tháng 10/2026	Thủ tướng Chính phủ	Tờ trình
22.	Quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định số 46/2017/QĐ-TTg ngày 24/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Mạng lưới các cơ quan thông báo và hỏi đáp và Ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong thương mại.	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam	Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan	Tháng 10/2026	Thủ tướng Chính phủ	Tờ trình
23.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thay thế Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam	Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan	Tháng 11/2026	Thủ tướng Chính phủ	Tờ trình
24.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp xử lý nhiễu có hại giữa đài vô tuyến điện phục vụ kinh tế - xã hội với đài vô tuyến điện phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh	Cục Tần số vô tuyến điện	Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan	Tháng 12/2026	Thủ tướng Chính phủ	Tờ trình

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cấp trình	Kết quả/sản phẩm
25.	Thông tư ban hành Khung đạo đức trí tuệ nhân tạo quốc gia (Khoản 5 Điều 26)	Viện Công nghệ số và Chuyên đổi số quốc gia	Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan	Tháng 02/2026	Bộ trưởng	Thông tư
26.	Thông tư quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp	Cục Sở hữu trí tuệ	Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan	Tháng 02/2026	Bộ trưởng	Thông tư
27.	Thông tư quy định tiêu chí, điều kiện đối với cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược (khoản 1 Điều 21)	Vụ Khoa học kỹ thuật và công nghệ	Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan	Tháng 3/2026	Bộ trưởng	Thông tư
28.	Thông tư của Bộ trưởng hướng dẫn về giám định tư pháp trong lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý	Vụ Pháp chế	Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan	Tháng 3/2026	Bộ trưởng	Thông tư
29.	Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước	Cục Bưu điện Trung ương	Cục Viễn thông và các đơn vị liên quan	Tháng 3/2026	Bộ trưởng	Thông tư
30.	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2022/TT-BTTTT ngày 31/10/2022 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Quyết định số 37/2021/QĐ-TTg	Cục Bưu điện Trung ương	Vụ Bưu chính và các đơn vị liên quan	Tháng 5/2026	Bộ trưởng	Thông tư

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cấp trình	Kết quả/sản phẩm
	ngày 18/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước					
31.	Thông tư ban hành Biểu mẫu hồ sơ và báo cáo liên quan đến thủ tục cung cấp thông tin về hoạt động chuyển giao công nghệ; hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng, đổi mới công nghệ; Nhà nước mua và phổ biến công nghệ; công bố, trình diễn, giới thiệu công nghệ.	Cục Đổi mới sáng tạo	Vụ Pháp chế, Vụ Đánh giá và Thẩm định công nghệ	Tháng 3/2026	Bộ trưởng	Thông tư
32.	Xây dựng Thông tư quy định chi tiết Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số	Cục Chuyển đổi số quốc gia	Vụ pháp chế và các đơn vị liên quan	Tháng 12/2026	Bộ trưởng	Thông tư
33.	Xây dựng Kế hoạch tổ chức triển khai Chiến lược quốc gia về phát triển đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên	Các đơn vị thuộc Bộ	Tháng 02/2026	Bộ trưởng	Kế hoạch
34.	Xây dựng định hướng nghiên cứu không gian biển giai đoạn 2026-2035	Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên	Học viện Chiến lược KH&CN, Quỹ phát triển KH&CN quốc gia	Tháng 6/2026	Bộ trưởng	Quyết định
35.	Xây dựng báo cáo về thành tựu của khoa học xã hội và nhân văn trong xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, con người Việt Nam	Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên	Quỹ phát triển KH&CN quốc gia	Tháng 6/2026	Bộ trưởng	Báo cáo
36.	Xây dựng định hướng nghiên cứu cơ bản ưu tiên trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn giai đoạn 2026-2030 định hướng đến 2035	Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên	Vụ Khoa học kỹ thuật và Công nghệ, Quỹ Phát triển	Tháng 9/2026	Bộ trưởng	Quyết định

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cấp trình	Kết quả/sản phẩm
			KH&CN quốc gia			
III	Nhóm nhiệm vụ về phát triển văn hóa, xã hội, bảo đảm gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân					
37.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2030	Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam	Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Pháp chế	Tháng 3/2026	Thủ tướng Chính phủ	Tờ trình
IV	Nhóm nhiệm vụ về công tác đối ngoại					
38.	Nghị quyết của Chính phủ phê duyệt Văn kiện Đại hội Liên minh Bưu chính Thế giới (UPU) lần thứ 28	Vụ Hợp tác quốc tế	Vụ Bưu chính, Vụ Pháp chế	Tháng 12/2026	Chính phủ	Tờ trình
39.	Quyết định của Chủ tịch nước đối với việc sửa đổi Hiến chương Liên minh Bưu chính thế giới (UPU)	Vụ Hợp tác quốc tế	Vụ Bưu chính, Vụ Pháp chế	Tháng 12/2026	Thủ tướng Chính phủ	Tờ trình
V	Nhóm nhiệm vụ khác					
40.	Tổ chức đảm bảo thông tin liên lạc (TTLL) phục vụ Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.	Cục Bưu điện Trung ương	Cục Viễn thông và các đơn vị liên quan	Tháng 01/2026	Bộ trưởng	Tổ chức phục vụ đạt kết quả tốt
41.	Tổ chức đảm bảo thông tin liên lạc (TTLL) phục vụ bầu cử quốc gia.	Cục Bưu điện Trung ương	Cục Viễn thông và các đơn vị liên quan	Tháng 3/2026	Bộ trưởng	Tổ chức phục vụ đạt kết quả tốt
B	Danh mục nhiệm vụ giao tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ					
I	Tổ chức thực hiện Nghị quyết					

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cấp trình	Kết quả/sản phẩm
42.	Ban hành Chương trình, Kế hoạch hành động, các văn bản phân công triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2026	Văn phòng Bộ	Các đơn vị liên quan	Ngày 20/01/2026	Bộ trưởng	Văn bản
43.	Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết 06 tháng và cuối năm gửi Bộ Tài chính và Văn phòng Chính phủ để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị liên quan	Trước ngày 31/5/2026 và 30/11/2026	Lãnh đạo Bộ	Văn bản
II	Nhóm nhiệm vụ: Đẩy mạnh hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật để xây dựng giải pháp đột phá về thể chế, cơ chế chính sách điểm các bất cập, điểm nghẽn về pháp lý. Đổi mới tư duy xây dựng và tổ chức thực thi pháp luật bảo đảm nền kinh theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, sử dụng các công cụ thị trường để điều tiết nền kinh tế					
44.	Chủ động rà soát và khẩn trương tháo gỡ triệt để các rào cản đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh do chồng chéo, mâu thuẫn, không hợp lý của các quy định pháp luật. Đối với những vấn đề không thuộc thẩm quyền thì tập hợp vấn đề kèm theo các giải pháp tương ứng (nếu có) để phương kiến nghị tới các cơ quan có thẩm quyền.	Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên	Lãnh đạo Bộ	Văn bản
45.	Cập nhật kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật.	Vụ Pháp chế	Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ	Sau 05 ngày làm việc kể từ ngày VBQPPL có hiệu lực	Lãnh đạo Bộ	Dữ liệu
46.	Đẩy mạnh thực hiện kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin liên quan khác để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân trong quá trình tra cứu,	Trung tâm Công nghệ thông tin	Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan	Thường xuyên	Lãnh đạo Bộ	Kết nối đồng bộ

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cấp trình	Kết quả/sản phẩm
	khai thác các thông tin liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh.					
III	Nhóm nhiệm vụ: Tiếp tục rà soát và nâng cao chất lượng danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện. Cắt giảm và chuẩn hóa các điều kiện kinh doanh đảm bảo tính hợp lý, minh bạch theo hướng chuyển việc quản lý điều kiện kinh doanh từ cấp phép, chứng nhận sang thực hiện công bố điều kiện kinh doanh và hậu kiểm					
47.	Chủ động rà soát, kiến nghị bãi bỏ các điều kiện kinh doanh theo hướng: (i) Bãi bỏ điều kiện kinh doanh không hợp pháp, chồng chéo, không cần thiết, không khả thi, quy định chung chung, không cụ thể, khó xác định, khó dự đoán, và không dựa trên cơ sở khoa học rõ ràng; (ii) Đối với các điều kiện kinh doanh (thuộc danh mục phải cấp phép, chứng nhận trước) chưa phù hợp với thực tiễn thì kiến nghị bãi bỏ hoặc sửa đổi theo hướng đơn giản hóa, tạo thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ; rà soát các loại chứng chỉ và kiến nghị bãi bỏ chứng chỉ không cần thiết, thu gọn các loại chứng chỉ, giấy phép, chứng nhận có sự trùng lặp về nội dung để tránh lãng phí chi phí của xã hội; (iii) Đối với các điều kiện kinh doanh (quản lý theo phương thức hậu kiểm) phải đảm bảo khi tiến hành kiểm tra, không can thiệp quá sâu vào hoạt động của doanh nghiệp.	Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên	Lãnh đạo Bộ	Báo cáo rà soát
48.	Chủ động nghiên cứu, rà soát ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực quản lý; kiến nghị đưa ra khỏi danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đối với những ngành nghề có thể áp dụng các biện pháp quản lý khác hiệu quả hơn. Trường hợp cần thiết đề xuất bổ sung ngành nghề kinh doanh có điều	Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên	Lãnh đạo Bộ	Báo cáo rà soát

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cấp trình	Kết quả/sản phẩm
	kiện thì phải có báo cáo đánh giá tác động toàn diện					
49.	Cắt giảm, đơn giản hóa 100% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết hoặc mâu thuẫn, chồng chéo hoặc quy định chung chung, không cụ thể, không rõ ràng; bãi bỏ 100% điều kiện đầu tư kinh doanh của các ngành, nghề không thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư	Vụ Pháp chế	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên	Lãnh đạo Bộ	Văn bản
50.	Thường xuyên rà soát, cập nhật ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công; gửi Bộ Tài chính để đăng tải trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên	Lãnh đạo Bộ	Văn bản được đăng tải
IV	Nhóm nhiệm vụ: Cải cách quy định thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp					
51.	Tổ chức thực hiện cắt giảm thành phần hồ sơ, giấy tờ dựa trên dữ liệu theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP của Chính phủ	Các đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản có thủ tục hành chính	Các đơn vị liên quan	Năm 2026	Lãnh đạo Bộ	Hồ sơ, giấy tờ được cắt giảm
52.	Rà soát, sửa đổi các quy định không phù hợp với việc thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính và triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Các đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản có thủ tục hành chính	Các đơn vị liên quan	Năm 2026	Lãnh đạo Bộ	Quy định được sửa đổi
53.	Rà soát, chuẩn hóa các kết quả giải quyết thủ tục hành chính; gắn mã số kết quả giải quyết đã chuẩn hóa với thành phần hồ sơ của các thủ tục	Các đơn vị thực hiện thủ tục hành chính	Các đơn vị liên quan	Năm 2026	Lãnh đạo Bộ	Chuẩn hóa, gắn mã kết quả giải

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cấp trình	Kết quả/sản phẩm
	hành chính làm cơ sở kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu, phục vụ cắt giảm hồ sơ, giấy tờ, bảo đảm chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước					quyết thủ tục hành chính
54.	Hoàn thành mục tiêu 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch, hiệu quả, giảm tối đa giấy tờ và 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	Văn phòng Bộ	Các đơn vị thực hiện thủ tục hành chính	Năm 2026	Lãnh đạo Bộ	100% thủ tục hành chính của doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến
55.	Tập trung xây dựng, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, phân cấp giải quyết thủ tục hành chính, cắt giảm đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ phê duyệt theo hướng một văn bản sửa nhiều văn bản	Vụ Pháp chế	Các đơn vị có thủ tục hành chính	Năm 2026	Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ/Bộ trưởng	Văn bản quy phạm pháp luật
56.	Tăng cường kiểm soát quy định thủ tục hành chính ngay trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và chú trọng việc tham vấn đối tượng chịu tác động; bảo đảm chỉ ban hành các quy định đúng thẩm quyền, cần thiết, hợp lý, thực hiện trên môi trường điện tử và chi phí tuân thủ thấp nhất	Vụ Pháp chế	Các đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản có thủ tục hành chính	Thường xuyên	Lãnh đạo Bộ	thủ tục hành chính

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cấp trình	Kết quả/sản phẩm
57.	Tiếp tục triển khai có hiệu quả việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính	Văn phòng Bộ	Các đơn vị liên quan	Năm 2026	Lãnh đạo Bộ	100% hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết thông qua cơ chế một cửa;
58.	Đẩy nhanh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa và kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin	Các đơn vị có thủ tục hành chính	Trung tâm Công nghệ thông tin	Năm 2026	Lãnh đạo Bộ	Số hóa hồ sơ
59.	Rà soát, đánh giá, tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến và ưu tiên xây dựng, tích hợp, cung cấp các nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông ở mức độ toàn trình	Văn phòng Bộ	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên	Lãnh đạo Bộ	Quy trình
60.	Chấn chỉnh các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý về tinh thần, thái độ phục vụ người dân, doanh nghiệp; phê bình, xử lý nghiêm các tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật; ngăn chặn, đẩy lùi, chấm dứt ngay tình trạng doanh nghiệp phải trả chi phí không chính thức trong thực hiện thủ tục hành chính	Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ	Vụ Tổ chức cán bộ	Thường xuyên	Lãnh đạo Bộ	Văn bản theo dõi, đôn đốc
61.	Tăng cường tuyên truyền để nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, cũng như trách nhiệm của cơ quan nhà nước chuyển từ nền hành chính công vụ, quản lý là chủ yếu sang phục vụ và kiến tạo	Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên	Lãnh đạo Bộ	Tuyên truyền

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cấp trình	Kết quả/sản phẩm
	phát triển, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chủ động, tận tụy giải quyết vướng mắc cho doanh nghiệp. Tuyên truyền để các doanh nghiệp không thao túng, trục lợi chính sách, lợi dụng, làm tha hóa cán bộ, công chức, đồng thời kiên quyết từ chối trả chi phí không chính thức trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính và các hoạt động khác; phản ánh trung thực, kịp thời đến đường dây nóng của các bộ, ngành, địa phương trong trường hợp bị gây khó khăn					
62.	Đẩy mạnh kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến	Trung tâm Công nghệ thông tin	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên	Lãnh đạo Bộ	Kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin
V	Nhóm nhiệm vụ: Hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân trong nước và kinh tế nhà nước phát triển bền vững, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, tập trung thu hút và làm chủ công nghệ cao, tiên tiến để nâng cao năng lực cạnh tranh, kinh doanh hiệu quả, bền vững.					
63.	Nghiên cứu, rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản để phục vụ hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Trong đó, chú trọng hoàn thiện thể chế, chính sách nhằm: (i) Thu hút đầu tư từ các tập đoàn công nghệ lớn, tạo cơ hội để doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; nâng cao năng lực sản xuất, nghiên cứu, tiếp thu, chuyển giao công nghệ; và (ii) Thúc đẩy hợp tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ với các quốc gia tiên tiến, nhất là trong các lĩnh vực như	Vụ Pháp chế	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên	Lãnh đạo Bộ	Văn bản

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cấp trình	Kết quả/sản phẩm
	trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, bán dẫn và năng lượng tái tạo					
64.	Đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý và triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Quỹ Phát triển khoa học và Công nghệ quốc gia	Vụ Pháp chế	Thường xuyên	Lãnh đạo Bộ	Thủ tục hành chính
65.	Đẩy mạnh công tác triển khai thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là nguồn nhân lực số và nhân lực công nghệ cao, có khả năng làm chủ công nghệ mới, công nghệ tiên tiến gắn với nhu cầu thực tiễn và định hướng phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị liên quan	Năm 2026	Lãnh đạo Bộ	Báo cáo rà soát kết quả triển khai thực hiện
66.	Xây dựng kế hoạch triển khai đề án Chuyển đổi số các doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2026-2030	Vụ Kinh tế và Xã hội số	Các đơn vị liên quan	Tháng 3/2026	Bộ trưởng	Quyết định
67.	Xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình phát triển Kinh tế số và Xã hội số giai đoạn 2026-2030	Vụ Kinh tế và Xã hội số	Các đơn vị liên quan	Tháng 4/2026	Bộ trưởng	Quyết định
68.	Xây dựng Chiến lược/Chương trình hành động quốc gia về phát triển kinh tế không gian cận biên đến năm 2030, định hướng đến năm 2045	Vụ Kinh tế và Xã hội số	Các đơn vị liên quan	Tháng 9/2026	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
69.	Triển khai Chương trình hỗ trợ cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Vụ Kinh tế và Xã hội số	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên	Lãnh đạo Bộ	Chương trình được tổ chức

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cấp trình	Kết quả/sản phẩm
70.	Xây dựng và triển khai Chương trình quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo	Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ	Các đơn vị liên quan	Tháng 12/2026	Bộ trưởng	Chương trình
71.	Hình thành Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia để thúc đẩy nguồn vốn phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo	Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ	Các đơn vị liên quan	Tháng 12/2026	Bộ trưởng	Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia
72.	Hướng dẫn, hỗ trợ hình thành và kết nối mạng lưới các trung tâm đổi mới sáng tạo	Cục Đổi mới sáng tạo	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên	Lãnh đạo Bộ	Báo cáo
VI	Nhóm nhiệm vụ: Hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh. Nâng cao chất lượng các dịch vụ phát triển kinh doanh. Xây dựng một hệ sinh thái dịch vụ hỗ trợ đầy đủ, chuyên nghiệp, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của hoạt động kinh doanh					
73.	Đa dạng hóa và phát triển hiệu quả Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, cơ sở kỹ thuật dùng chung.	Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên	Lãnh đạo Bộ	Báo cáo
VII	Nhóm nhiệm vụ: Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra (bao gồm cả kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa), giảm gánh nặng cho doanh nghiệp					
74.	Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch thanh tra, kiểm tra theo hướng chấm dứt tình trạng thanh tra, kiểm tra chồng chéo, trùng lặp, kéo dài, không cần thiết; bảo đảm nguyên tắc chỉ thực hiện thanh tra, kiểm tra mỗi năm 1 lần đối với doanh nghiệp, trừ trường hợp có bằng chứng rõ ràng về việc doanh nghiệp vi phạm; xử lý nghiêm các hành vi lạm dụng thanh tra, kiểm tra để nhũng nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp. Miễn kiểm tra thực tế đối với các doanh nghiệp tuân thủ tốt quy định pháp luật	Cục An toàn bức xạ và hạt nhân và các đơn vị có chức năng kiểm tra chuyên ngành	Các đơn vị liên quan	Năm 2026	Lãnh đạo Bộ/ Đơn vị	Quyết định phê duyệt Kế hoạch thanh tra; Quyết định phê duyệt Kế hoạch kiểm tra

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cấp trình	Kết quả/sản phẩm
75.	Ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Triển khai thanh tra, kiểm tra trực tuyến, ưu tiên thanh tra, kiểm tra từ xa dựa trên các dữ liệu điện tử, giảm thanh tra, kiểm tra trực tiếp	Cục An toàn bức xạ và hạt nhân và các đơn vị có chức năng kiểm tra chuyên ngành	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên	Đơn vị	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thanh tra